

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN H
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **430/2023/HNGĐ-ST**

Ngày: 23/6/2023

V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN H, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thoa

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hạnh

Bà Lê Thị Huyền

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung -Thư ký Tòa án nhân dân
quận H

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận H tham gia phiên tòa: Ông Đào
Xuân Thắng -Kiểm sát viên

Ngày 23 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân quận H, thành phố
Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 953/2022/TLST- HNGD ngày 13
tháng 12 năm 2022 Về việc: Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số
15/QĐXX-HNGĐ ngày 30/5/2023, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Chị Trịnh Thu T, sinh năm 1992; Trú tại: Số 6, ngách 126/3,
phố KN, phường TN, quận HBT, Hà Nội. Có mặt.

- ***Bị đơn:*** Anh Tăng Hải N, sinh năm 1975; ĐKKHKT: 1006 CT2 Chung cư
NTN, phường HC, quận H, Hà Nội. Hiện đang thụ án tại Trại giam SH, xã CL,
huyện BV, TP. Hà Nội. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên
đơn chị Trịnh Thu Thúy trình bày:***

1.Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Tăng Hải N tự nguyện tìm hiểu đi đến
kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND phường HC, quận H, thành phố Hà Nội
ngày 31/5/2017 cùng gia đình chồng. Sau khi kết hôn vợ chồng về sống tại P1006

chung cư CT2 NTN, H, Hà Nội đến tháng 6/2017, chị chuyển về sống với bố mẹ ruột tại Số 6, ngách 126/3, phố KN, phường TN, quận H, Tp Hà Nội. Tháng 9/2017 chỉ thời gian ngắn sau kết hôn, vợ chồng chị đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do lối sống không phù hợp. Cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mâu thuẫn ngày càng nhiều hơn không thể hòa giải hay hàn gắn. Tới tháng 11/2020, anh Nam bắt đầu chấp hành án phạt tù tại Trại giam SH, Bộ Công an. Nay xác định tình cảm không còn chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh N.

2. Về con chung: Chị T và anh N có 01 con chung là cháu Tăng Quang V, sinh ngày 12/6/2017, hiện con phát triển khỏe mạnh bình thường. Sau ly hôn chị xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi. Không yêu cầu anh Nam cấp dưỡng nuôi con. Hiện tại chị xác định không có thai.

3. Về tài sản và công nợ chung: Chị T xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Bị đơn, anh Tăng Hải N: Anh N đang chấp hành án, do đó Tòa án tiến hành lấy lời khai anh Nam tại Trại giam SH - Bộ công an như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh N nhất trí lời khai của chị T về quá trình tìm hiểu, kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng anh và chị T có những mâu thuẫn không thể giải quyết về giá trị sống. Thời gian anh đi chấp hành án thì tình cảm vợ chồng xa cách dẫn tới việc chị T đưa đơn ly hôn, anh nhất trí với đơn xin ly hôn của chị T.

2. Về con chung: Anh và chị T có 01 con chung là cháu Tăng Quang V, sinh ngày 12/6/2017, hiện con phát triển khỏe mạnh bình thường. Sau ly hôn anh đồng ý cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Anh xin tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con vì chưa có điều kiện.

3. Về tài sản chung và công nợ chung: Anh N xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có công nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do điều kiện đang chấp hành án, anh N xin vắng mặt tại các buổi hòa giải, và xét xử vụ án, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định, anh không ý kiến gì.

Tại phiên tòa, chị T giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn anh N;

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng; nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam, Tòa án đã có biên bản ghi lời khai, bị đơn có bản tự khai thể hiện ý kiến, nguyện vọng và được tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng, có đơn xin xét xử vắng mặt, do đó xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Xét thấy vợ chồng chị T, anh N có mâu thuẫn kéo dài, không hòa giải được, vợ chồng hiện không ở cùng nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T, cho chị T được ly hôn anh N; Về con chung: Do anh N đang không có điều kiện chăm sóc, nuôi con nên giao chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Về tài sản chung và nợ chung: không ai yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Về án phí: Chị T phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Trịnh Thu T khởi kiện xin ly hôn anh Tăng Hải N nên đây là tranh chấp về việc Ly hôn. Hiện anh N đang chấp hành án nhưng có HKTT tại phường HC, quận H, Hà Nội, do đó theo quy định tại các điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận H, thành phố Hà Nội.

Về việc vắng mặt bị đơn tại phiên tòa: Xét anh N đã được thông báo gọi hợp lệ, có đơn xin xét xử vắng mặt có lý do. Quá trình giải quyết vụ án, anh N có lời khai đầy đủ. Xét việc vắng mặt anh N không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án. Do đó căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trịnh Thu T và anh Tăng Hải N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tuân thủ các điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND phường HC, quận H, thành phố Hà Nội ngày 31/5/2017 theo đúng quy định của

pháp luật nên là hôn nhân hợp pháp.

Trên cơ sở lời khai của chị T, anh N trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy: Quá trình chung sống, vợ chồng chị T, anh N có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, không thể hòa giải và hàn gắn. Mâu thuẫn kéo dài, vợ chồng không còn sống chung. Như vậy, mục đích hôn nhân giữa chị T, anh N không đạt được trên thực tế, khả năng vợ chồng quay lại chung sống với nhau là không còn. Nay chị T xin ly hôn là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, do vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị T, cho chị T được ly hôn anh N.

[2]. Về con chung: Chị T và anh N có 01 con chung là cháu Tăng Quang V, sinh ngày 12/6/2017, hiện con phát triển khỏe mạnh bình thường. Sau ly hôn chị xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định. Không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Anh N đồng ý với nguyện vọng trên của chị T. Xét đây là nguyện vọng và cũng phù hợp điều kiện thực tế anh N chưa có điều kiện nuôi, chăm sóc con, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về tài sản và công nợ chung: Chị T và anh N đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó không xem xét.

[4]. Về án phí: Chị T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 235, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trịnh Thu T đối với anh Tăng Hải N. Cho chị Trịnh Thu T được ly hôn anh Tăng Hải N.

2. Về con chung: Giao chị Trịnh Thu T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu Tăng Quang V, sinh ngày 12/6/2017 cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của anh Tăng Hải N cho đến khi có sự thay đổi theo quy định. Anh N có quyền thăm nom, chăm sóc con chung theo quy định, không ai được ngăn cản.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị T, anh N không yêu cầu giải quyết, Tòa án không xem xét.

4. Về án phí: Chị Trịnh Thu T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm (được đối trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0010898 ngày 13/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận H, thành phố Hà Nội).

5. Về quyền kháng cáo: Chị Trịnh Thu T có mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Tăng Hải N vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND TP Hà Nội;
- VKSND quận H;
- Chi cục THADS quận H;
- UBND phường, xã nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VT.

Nguyễn Thị Thoa